

Số: 09/2019/QĐST - DS
Ngày: 16/9/2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/V: YÊU CẦU TUYÊN BỐ MỘT NGƯỜI LÀ ĐÃ CHẾT
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Khuyên

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Thị Bích - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp:

Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: yêu cầu tuyên bố một người là đã chết, theo Quyết định mở phiên họp số: 93/2019/QĐPH- ST ngày 07 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: bà Trần Thị N, sinh năm: 1972
Địa chỉ: tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết: ông Trần Văn S, sinh năm: 1967
Nơi cư trú cuối cùng: tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(bà N có mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu đề ngày 26/3/2019, tại bản tự khai và tại phiên họp hôm nay người yêu cầu bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố một người là đã chết đối với ông Trần Văn S - sinh năm 1967, Nơi cư trú cuối cùng: tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc quản lý tài sản của ông Trần Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Về quyền yêu cầu: bà Trần Thị N và ông Trần Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2001. Tuy không có đăng ký kết hôn nhưng đã có với nhau 02 người con chung, đến ngày 09 tháng 5 năm 2001 ông Sơn bỏ đi biệt tích và đến nay không có tin tức gì. Đồng thời bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố một người mất tích đối với ông S và đã được Tòa án chấp nhận bằng quyết định số 02/2013/QĐ – ST ngày 29/01/2013 đến nay đã trên 03 năm kể từ ngày Quyết định tuyên bố ông S mất tích của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực pháp luật mà vẫn không có tin tức gì của ông S. Ngoài ra, kết quả xác minh cho thấy: ông Trần Văn S đã bỏ đi biệt tích khỏi địa phương là tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai từ năm 2001 cho đến nay. Do vậy, bà Trần Thị N có quyền yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Trần Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 391 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung xác nhận của Ban Công an xã B ngày 26/3/2019 và Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện C tại Ban Công an xã B ngày 19/4/2019 thì ông Trần Văn S có nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại: tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, đủ cơ sở để xác định việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 BLTTDS.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị N, nhận thấy:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do bà Nặng nộp và lời khai của bà N tại phiên họp hôm nay thì thấy. Sau khi biết ông Sơn bỏ đi khỏi địa phương, bà và các thành viên khác trong gia đình đã tìm mọi cách để liên lạc với ông Sơn nhưng không có kết quả. Qua biên bản xác minh tại Ban công an xã B, huyện C vào ngày 19/4/2019 thể hiện: “ông Trần Văn S có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương đến năm 2001 đã bỏ đi biệt tích khỏi địa phương cho đến nay không rõ tung tích, địa chỉ vì không khai báo chính quyền địa phương và không có trở về địa phương; vợ và các con của ông S vẫn đang sinh sống tại ấp T, xã B, huyện C. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của bà, Tòa án đã cho đăng thông báo tìm kiếm ông Sơn trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 384, 385, khoản 2 Điều 388, 392 Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ ngày đăng phát thông báo cho đến nay đã quá 04 tháng nhưng vẫn không có tin tức gì về ông S. Kể từ ngày Quyết định tuyên bố ông S mất tích của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực pháp luật cho đến nay đã trên 03 năm mà vẫn không có tin tức xác thực là còn sống.

Như vậy, đã có đủ căn cứ chứng minh ông Trần Văn S đã biệt tích từ ngày ngày 09 tháng 5 năm 2001 đến nay và không có căn cứ xác thực là còn sống nên yêu cầu của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị: chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N, tuyên bố một người là đã chết đối với ông Trần Văn S, sinh năm: 1967, nơi cư trú cuối cùng tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Xét thấy yêu cầu của bà N và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc: “tuyên bố một người là đã chết” đối với ông Trần Văn S sinh năm: 1967, nơi cư trú cuối cùng tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

[4] Xác định ngày, tháng, năm chết của ông Trần Văn S:

Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2013/QĐ – ST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận tuyên bố ông Trần Văn S mất tích. Trên quyết định số 02/2013 đã đóng dấu án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị theo quy định của pháp luật nên xác định ngày có hiệu lực pháp luật của quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2013/QĐ – ST ngày 29/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên bố ông Trần Văn S mất tích là ngày 14/02/2013. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ngày chết của ông S được xác định sau 03 năm kể từ ngày quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tức là ngày 15/02/2016 và xác định ngày chết của ông Trần Văn S là ngày 15/02/2016.

[4] Về yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người đã chết: bà Nặng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí: bà Trần Thị N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; khoản 1 Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 384; Điều 385; khoản 2 Điều 388; Điều 392; Điều 393 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 71, Điều 72 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc “Tuyên bố một người là đã chết”.

Tuyên bố ông Trần Văn S, sinh năm: 1967, nơi cư trú cuối cùng: tổ 17, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai là đã chết; ngày ông Trần Văn S chết được xác định là ngày 15/02/2016.

2. Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Trần Văn S, sinh năm: 1967 là đã chết có hiệu lực pháp luật thì các quan hệ về hôn nhân và gia đình, các quan hệ nhân thân khác của ông Trần Văn S được giải quyết như đối với người đã chết.

Quan hệ tài sản của ông Trần Văn S được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của ông Trần Văn S được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

3. Về quản lý tài sản của ông Trần Văn Sơn: bà Trần Thị N không yêu cầu nên không xem xét.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: bà Trần Thị N phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số 004794 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện C. Bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

5. Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; riêng người vắng mặt được tính từ ngày niêm yết quyết định tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Viện kiểm sát nhân dân huyện C được quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai được quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Đường sự;
- THADS huyện
- Lưu HS, AV

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ KHUYÊN